

Số: /2025/QĐ-UBND Đăk Lăk, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn quy định, kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 50/TTr-SNNMT ngày 02 tháng 4 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Lăk ban hành Quyết định ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Đắk Lắk, Đài PT-TH tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Phòng: KTTH, CNXD;
- Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NNMT (TLC-05b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Để lập dự toán ngân sách Nhà nước phục vụ công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Phần I**QUY ĐỊNH CHUNG****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật để lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (sau đây gọi tắt là định mức KT-KT) áp dụng cho những công việc sau:

- a) Lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;
- b) Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;
- c) Lập quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện;
- d) Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện;
- đ) Lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện;

2. Đối tượng áp dụng

- a) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai.
- b) Các tổ chức, cá nhân thực hiện việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

3. Cơ sở xây dựng định mức

- a) Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;
- b) Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

c) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

d) Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính;

đ) Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

e) Quyết định số 2361/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đình chính Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

g) Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

h) Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

i) Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn quy định, kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

k) Văn bản số 6647/BTNMT-QHPTTND ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý đất đai tại địa phương.

4. Quy định về sử dụng định mức

Định mức này chỉ quy định mức cho các hoạt động trực tiếp lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Các hoạt động lập nhiệm vụ; quản lý chung; kiểm tra, nghiệm thu; các hoạt động khác có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ sẽ được xác định trong quá trình lập nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi cho hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường.

Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm định mức lao động và định mức vật tư và thiết bị.

4.1. Định mức lao động: là thời gian lao động trực tiếp để sản xuất ra một sản phẩm (hoặc để thực hiện một bước công việc hoặc thực hiện một công việc cụ thể). Nội dung của định mức lao động bao gồm:

a) Nội dung công việc: quy định các thao tác cơ bản, chủ yếu để thực hiện bước công việc.

b) Định biên: xác định cấp bậc lao động kỹ thuật để thực hiện từng nội dung công việc theo quy định tại Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính được quy định chung về các ngạch tương đương là kỹ sư (KS) và kỹ thuật viên (KTV) và Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT sửa đổi quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

c) Định mức: quy định thời gian lao động trực tiếp sản xuất một đơn vị sản phẩm (thực hiện bước công việc); đơn vị tính là ngày công cá nhân hoặc ngày công nhóm/đơn vị sản phẩm.

d) Công lao động bao gồm: công đơn và công nhóm; thời gian lao động một ngày công là 08 giờ làm việc.

- Công đơn: là công lao động xác định cho một lao động trực tiếp thực hiện một bước công việc tạo ra sản phẩm;

- Công nhóm: là công lao động xác định cho một nhóm lao động trực tiếp thực hiện một sản phẩm hoặc bước công việc tạo ra sản phẩm.

4.2. Định mức vật tư và thiết bị: bao gồm định mức sử dụng dụng cụ, thiết bị và vật liệu.

a) Định mức sử dụng dụng cụ là số ca mà người lao động trực tiếp sử dụng các dụng cụ cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm (thực hiện một bước công việc).

b) Định mức sử dụng thiết bị là số ca mà người lao động trực tiếp sử dụng các thiết bị cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm (thực hiện một bước công việc).

c) Định mức sử dụng vật liệu là số lượng các vật liệu cần thiết sử dụng để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm (thực hiện một bước công việc).

d) Thời hạn sử dụng dụng cụ, thiết bị thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT, Thông tư số 23/2023/TT-BTC và các quy định của pháp luật có liên quan.

đ) Điện năng tiêu thụ của các dụng cụ, thiết bị dùng điện được tính trên cơ sở định mức sử dụng dụng cụ, thiết bị (ca), số giờ làm việc trong 1 ca (8 giờ) và công suất của dụng cụ, thiết bị. Điện năng trong các bảng định mức được tính

theo công thức sau: Điện năng = Định mức sử dụng dụng cụ, thiết bị (ca) x 8 (giờ/ca) x công suất (kw/giờ) x 1,05 (5% là lượng điện hao hụt trên đường dây)

e) Mức sử dụng các dụng cụ nhỏ, phụ được tính bằng 5% mức sử dụng các dụng cụ chính đã được tính định mức.

f) Mức vật liệu phụ, vụn vật có giá trị thấp và hao hụt được tính bằng 8% mức vật liệu chính đã được định mức.

5. Giải thích thuật ngữ và quy định từ viết tắt

5.1. Giải thích thuật ngữ

a) Tỉnh chuẩn là lãnh thổ cấp tỉnh được chọn làm chuẩn để tham chiếu xây dựng định mức cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Các tham số của tỉnh chuẩn được quy định tại điểm 6.1 khoản 6 Phần này.

b) Huyện chuẩn là lãnh thổ cấp huyện được chọn làm chuẩn để tham chiếu xây dựng định mức cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện. Các tham số của huyện chuẩn được quy định tại điểm 6.2 khoản 6 Phần này.

5.2. Quy định từ viết tắt

Bảng số 01

STT	Nội dung viết tắt	Viết tắt
1	Địa chính viên hạng II bậc 2	ĐCVC2
2	Địa chính viên hạng III bậc 1	ĐCV1
3	Địa chính viên hạng III bậc 3	ĐCV3
4	Lái xe bậc 4	LX4
5	Đơn vị tính	ĐVT
6	Số thứ tự	STT
7	Thời hạn sử dụng dụng cụ, máy móc, thiết bị (tháng)	Thời hạn (tháng)
8	Quy hoạch sử dụng đất	QHSDĐ
9	Kế hoạch sử dụng đất	KHSDĐ
10	Hội đồng nhân dân	HĐND
11	Ủy ban nhân dân	UBND
12	Tỉnh TB Tỉnh trung bình	Tỉnh trung bình Tỉnh TB
13	Huyện TB Huyện trung bình	Huyện trung bình Huyện TB
14	Luật Đất đai số 31/2024/QH15	Luật Đất đai

6. Hệ số điều chỉnh và nguyên tắc áp dụng

6.1. Định mức cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất QHSDĐ cấp tỉnh được quy định trong tập định mức này (M_{tb}) áp dụng cho đơn vị tỉnh có hệ số áp lực về kinh tế $K_{kt}=1$, hệ số áp lực về dân số $K_{ds}=1$, hệ số quy mô diện tích $K_s=1$ (diện tích trung bình là 500.000 ha), hệ số đơn vị hành chính $K_{hc}=1$ (số đơn vị hành chính cấp huyện trung bình là 11 huyện/tỉnh).

Mức cụ thể cho tỉnh (MT) tính theo công thức sau:

$$M_T = M_{tb} K_{kt} K_{ds} K_s K_{hc}$$

Trong đó:

K_{kt} : Hệ số áp lực về kinh tế cấp tỉnh, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 02

GRDP bình quân/người (triệu đồng)	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (%)						
	<5,0	5,0-<6,0	6,0-<7,0	7,0-<8,0	8,0-<9,0	9,0-<10,0	≥ 10,0
<35	0,90	0,95	1,0	1,05	1,10	1,15	1,20
35 - <40	0,95	1,0	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25
40 - <45	1,0	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30
45 - <50	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35
50 - <55	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40
55 - <60	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40	1,45
≥60	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40	1,45	1,50

Ghi chú:

Các chỉ tiêu về kinh tế lấy căn cứ theo Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

K_{ds} : Hệ số áp lực về dân số cấp tỉnh, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 03

Mật độ dân số trung bình (người/km ²)	K_{ds}
< 110	0,70
110 - < 290	0,71 - 0,99
290 - <350	1,00 - 1,03
350 - <500	1,04 - 1,07
500 - < 700	1,08 - 1,13
700 - < 900	1,14- 1,19
900 - < 1.100	1,20 - 1,25
1.100 - < 1.300	1,26 - 1,31

Mật độ dân số trung bình (người/km ²)	K_{ds}
1.300 - < 1.500	1,32- 1,37
≥ 1.500	1,38

Ghi chú:

- Số liệu mật độ dân số trung bình lấy căn cứ theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;

- Hệ số áp lực về dân số được tính theo phương pháp nội suy.

K_s : Hệ số quy mô diện tích cấp tỉnh, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 04

Diện tích tự nhiên (ha)	K_s
<100.000	0,65
100.000 - < 200.000	0,66 - 0,76
200.000 - < 300.000	0,77 - 0,86
300.000 - < 500.000	0,87 - 0,99
500.000 - < 700.000	1,00 - 1,06
700.000 - < 900.000	1,07 - 1,11
900.000 - < 1.200.000	1,12- 1,19
$\geq 1.200.000$	1,20

Ghi chú:

- Số liệu về diện tích tự nhiên lấy căn cứ theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;

- Hệ số quy mô diện tích được tính theo phương pháp nội suy.

K_{hc} : Hệ số đơn vị hành chính cấp tỉnh, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 05

Số đơn vị hành chính cấp huyện	K_{hc}
< 8	0,80
8 - <11	0,81 - 0,99
11 - < 16	1,00 - 1,20
16 - < 20	1,21 - 1,40
≥ 20	1,45

Ghi chú:

- Số liệu số đơn vị hành chính cấp huyện lấy căn cứ theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;

- Hệ số đơn vị hành chính được tính theo phương pháp nội suy.

6.2. Định mức cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được quy định trong tập định mức này (M_{tb}) áp dụng cho đơn vị huyện có hệ số áp lực về kinh tế $K_{kt}=1$, hệ số áp lực về dân số $K_{ds}=1$, hệ số quy mô diện tích $K_s=1$ (diện tích trung bình là 50.000 ha), hệ số đơn vị hành chính $K_{hc}=1$ (số đơn vị hành chính cấp xã trung bình là 16 xã/huyện), hệ số áp lực về đô thị $K_{dt}=1$.

Mức cụ thể cho từng huyện (MH) tính theo công thức sau:

$$M_H = M_{tb} K_{kt} K_{ds} K_s K_{hc} K_{dt}$$

Trong đó:

K_{kt} : Hệ số áp lực về kinh tế cấp huyện, được quy định chi tiết tại bảng sau

Bảng số 06

Giá trị sản xuất bình quân/người (triệu đồng)	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (%)						
	<4,0	4,0 - <6,0	6,0 - <8,0	8,0 - <10	10- <11,0	11,0 <12,5	≥ 12,5
< 20	0,80	0,85	0,90	0,95	1,00	1,05	1,10
20 - < 22	0,85	0,90	0,95	1,00	1,05	1,10	1,15
22 - < 24	0,90	0,95	1,00	1,05	1,10	1,15	1,20
24 - < 26	0,95	1,00	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25
26 - < 28	1,00	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30
28 - < 30	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35
30 - < 32	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40
32 - < 34	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40	1,45
≥ 34	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40	1,45	1,50

Ghi chú:

Các chỉ tiêu về kinh tế lấy căn cứ theo Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương với giá so sánh năm 2010.

K_{ds} : Hệ số áp lực về dân số cấp huyện, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 07

Mật độ dân số trung bình (người/km ²)	K_{ds}
< 50	0,65
50 - <110	0,66 - 0,80
110 - <290	0,81 - 0,99
290 - <350	1,00 - 1,03
350 - < 600	1,04 - 1,08
600 - < 900	1,09 - 1,12
900 - < 1.200	1,13 - 1,17

Mật độ dân số trung bình (người/km ²)	K_{ds}
1200 - < 1.500	1,18 - 1,22
≥ 1.500	1,23

Ghi chú:

- Số liệu mật độ dân số trung bình lấy căn cứ theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;

- Hệ số áp lực về dân số được tính theo phương pháp nội suy.

K_s : *Hệ số quy mô diện tích cấp huyện, được quy định chi tiết tại bảng sau:*

Bảng số 08

Diện tích tự nhiên (ha)	K_s
<5.000	0,60
5.000 - < 10.000	0,61 - 0,75
10.000 - < 20.000	0,76 - 0,85
20.000 - < 50.000	0,86 - 0,99
50.000 - < 60.000	1,00 - 1,04
60.000 - < 90.000	1,05 - 1,10
90.000 - < 120.000	1,11 - 1,15
120.000 - < 150.000	1,16 - 1,19
≥ 150.000	1,20

Ghi chú:

- Số liệu diện tích tự nhiên lấy căn cứ theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;

- Hệ số về quy mô diện tích được tính theo phương pháp nội suy.

K_{hc} : *Hệ số đơn vị hành chính cấp huyện, được quy định chi tiết tại bảng sau:*

Bảng số 09

Số đơn vị hành chính cấp xã	K_{hc}
< 10	0,80
10 - < 16	0,81 - 0,99
16 - < 20	1,00 - 1,15
20 - < 25	1,16 - 1,25
25 - < 30	1,26 - 1,35
30 - < 35	1,36 - 1,45
≥ 35	1,50

Ghi chú:

- Số liệu về số đơn vị hành chính cấp xã lấy căn cứ theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;
- Hệ số đơn vị hành chính được tính theo phương pháp nội suy.

K_{dt}: ***Hệ số áp lực về đô thị, được quy định chi tiết tại bảng sau:***

Bảng số 10

Loại đô thị	K_{dt}
Các đô thị loại I là thành phố thuộc tỉnh	1,25
Các đô thị khác	1,20

Phần II **ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

Chương I **LẬP, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH**

Mục 1 **LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH**

1. Định mức lao động

1.1 Nội dung công việc.

Bước 1. Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu

1. Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến việc lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, gồm: quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có sử dụng đất cấp quốc gia, liên tỉnh; quy hoạch tỉnh; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, chất lượng đất, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của tỉnh; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, địa phương; nguồn lực đầu tư công và các nguồn lực khác; tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.

2. Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập, gồm:

a) Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin;

b) Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

3. Điều tra, khảo sát thực địa, gồm:

a) Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa;

b) Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, của vùng trên địa bàn tỉnh; các công trình hạ tầng của tỉnh; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao và các yếu tố khác có liên quan); các thông tin tại các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có);

c) Chính lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

4. Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

Bước 2. Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh

1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và môi trường, gồm:

a) Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thủy văn và các yếu tố khác có liên quan);

b) Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; biển; khoáng sản và các yếu tố khác có liên quan);

c) Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản và các yếu tố khác có liên quan);

d) Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (nước biển dâng; xâm nhập mặn; hoang mạc hóa, sa mạc hóa; xói mòn, sạt lở đất và các yếu tố khác có liên quan).

2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất và các nội dung khác có liên quan).

3. Nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất, gồm:

a) Bối cảnh của tỉnh, của vùng tác động đến việc sử dụng đất;

b) Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất;

c) Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.

4. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh.

Bước 3. Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

1. Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

2. Đánh giá mặt thực hiện được, tồn tại và nguyên nhân.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

Bước 4. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

1. Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

2. Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các yếu tố khác có liên quan).

4. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.

5. Phân tích, đánh giá mặt thực hiện được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.

6. Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

7. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

8. Trường hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thì đánh giá hiện trạng, biến động sử dụng đất và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến thời điểm tổ chức điều chỉnh.

Bước 5. Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất

1. Tổng hợp, phân tích đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất từ kết quả điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh phục vụ xây dựng định hướng, quy hoạch sử dụng đất gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Xây dựng báo cáo chuyên đề tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất của trên địa bàn tỉnh.

Bước 6. Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch

1. Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế -

xã hội của cấp tỉnh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.

2. Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 7. Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch

1. Dự báo các yếu tố chủ yếu về kinh tế, xã hội, môi trường ảnh hưởng đến xu thế biến động đất đai (dự báo kinh tế, xã hội, môi trường; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng và các yếu tố khác có liên quan).

2. Dự báo xu thế biến động đất đai của tỉnh, gồm: nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 8. Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm

1. Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch đối với nhóm đất nông nghiệp, phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng và các loại đất do cấp tỉnh xác định gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp huyện.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 9. Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất

1. Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất, gồm:

- a) Các chỉ tiêu về kinh tế;
- b) Các chỉ tiêu về xã hội;
- c) Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh;
- d) Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;
- đ) Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.

2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử

dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.

3. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và phân theo đơn vị hành chính cấp huyện, gồm:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ cho cấp tỉnh;

b) Các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của tỉnh.

c) Đối với các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại mà quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh không xác định thì được quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện xác định.

4. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp huyện.

5. Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

6. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

7. Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biên để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp huyện.

8. Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

9. Phân kỳ quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 28 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều 28 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT được phân đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

10. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến kinh tế, xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh, gồm:

a) Đánh giá tác động đến nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất;

b) Đánh giá tác động đến mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

c) Đánh giá tác động đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực;

d) Đánh giá tác động đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất; đất đai cho người dân tộc thiểu số;

đ) Đánh giá tác động đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng; tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc;

e) Đánh giá tác động đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, khả năng đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.

11. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất, gồm:

a) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu;

b) Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất;

c) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

12. Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.

13. Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, gồm:

a) Bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (bản đồ số và bản đồ in);

b) Bản đồ chuyên đề, gồm: bản đồ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên và các bản đồ chuyên đề cho các loại đất khác (nếu có) tùy vào điều kiện của từng tỉnh để đảm bảo thể hiện được nội dung quy hoạch trên bản đồ.

14. Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án quy hoạch sử dụng đất.

Bước 10. Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất

1. Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và các tài liệu có liên quan.

2. Xây dựng báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng đất.

1.2 Định mức

Bảng số 11

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/Tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu			
1	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, gồm: quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có sử dụng đất cấp quốc gia, liên tỉnh; quy hoạch tỉnh; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, chất lượng đất, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	5 (1ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV1)	119	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/ nhóm)	Định mức (công nhóm/Tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	của tỉnh; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, địa phương; nguồn lực đầu tư công và các nguồn lực khác; tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.			
2	Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập			
a	<i>Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin;</i>	5 (1ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV1)	6	
b	<i>Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.</i>	5 (1ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV1)	28	
3	Điều tra, khảo sát thực địa			
a	<i>Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa;</i>	5 (1ĐCV2, 2ĐCV3, 1ĐCV1, 1LX4)		3
b	<i>Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, của vùng trên địa bàn tỉnh; các công trình hạ tầng của tỉnh; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao,...); các thông tin tại các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có);</i>	5 (1ĐCV2, 2ĐCV3, 1ĐCV1, 1LX4)		7
c	<i>Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.</i>	5 (1ĐCV2, 2ĐCV3, 1ĐCV1, 1LX4)		3
4	Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu	5 (1ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV1)	45	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/ nhóm)	Định mức (công nhóm/Tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	thập các thông tin, tài liệu.			
Bước 2	Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh			
1	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và môi trường			
a	<i>Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thủy văn;...);</i>	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	5	
b	<i>Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; biển; khoáng sản;...);</i>	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	9	
c	<i>Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản;...);</i>	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	7	
d	<i>Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (nước biển dâng; xâm nhập mặn; hoang mạc hóa, sa mạc hóa; xói mòn, sạt lở đất; ...).</i>	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	12	
2	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất; ...).	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	26	
3	Nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất			
a	<i>Bối cảnh của tỉnh, của vùng tác động đến việc sử dụng đất;</i>	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	3	
b	<i>Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật,</i>	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	12	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/ nhóm)	Định mức (công nhóm/Tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	<i>hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất;</i>			
c	<i>Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.</i>	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	3	
4	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV1)	36	
Bước 3	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh			
1	Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	15	
2	Đánh giá mặt thực hiện được, tồn tại và nguyên nhân.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	7	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV1)	15	
Bước 4	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước			
1	Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	9	5
2	Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	21	9

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/ nhóm)	Định mức (công nhóm/Tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
3	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; ...).	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	29	
4	Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	8	
5	Phân tích, đánh giá mặt thực hiện được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	8	
6	Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	5 (1ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV1)	7	
7	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV1)	31	
Bước 5	Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất			
1	Tổng hợp, phân tích đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất từ kết quả điều tra, đánh giá đất trên địa bàn tỉnh phục vụ xây dựng định hướng, quy hoạch sử dụng đất gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	0,5	0,5
2	Xây dựng báo cáo chuyên đề tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất của trên địa bàn tỉnh.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	0,5	0,5
Bước 6	Xác định các quan điểm và			

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/ nhóm)	Định mức (công nhóm/Tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch			
1	Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	2	
2	Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	2	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	2	
Bước 7	Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch			
1	Dự báo các yếu tố chủ yếu về kinh tế, xã hội, môi trường ảnh hưởng đến xu thế biến động đất đai (dự báo kinh tế, xã hội, môi trường; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng; ...).	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	1	
2	Dự báo xu thế biến động đất đai của tỉnh, gồm: nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	2	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	2	
Bước 8	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10			

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/ nhóm)	Định mức (công nhóm/Tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm			
1	Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	1	
2	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch đối với nhóm đất nông nghiệp, phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng và các loại đất do cấp tỉnh xác định gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp huyện.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	2	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	2	
Bước 9	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất			
1	Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất			
<i>a</i>	<i>Các chỉ tiêu về kinh tế</i>	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
<i>b</i>	<i>Các chỉ tiêu về xã hội</i>	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
<i>c</i>	<i>Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh</i>	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
<i>d</i>	<i>Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.</i>	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
<i>đ</i>	<i>Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.</i>	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
2	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV1)	10	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/ nhóm)	Định mức (công nhóm/Tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	đồ kèm theo.			
3	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và phân theo đơn vị hành chính cấp huyện:			
a	<i>Chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ cho cấp tỉnh</i>	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
b	<i>Các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của tỉnh. Đối với các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại mà quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh không xác định thì được quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện xác định.</i>	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV1)	12	
4	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp huyện.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
5	Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
6	Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
7	Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lân cận để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp huyện (nếu có).	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
8	Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.			
a	<i>Việc xác định các khu vực sử</i>	<i>7 (2ĐCV2,</i>	<i>15</i>	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/ nhóm)	Định mức (công nhóm/Tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	<i>dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt đối với đất trồng lúa theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa và khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác để phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.</i>	4ĐCV3, 1ĐCV1)		
b	<i>Việc xác định các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt đối với đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên thực hiện theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ- CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ) và khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên sang mục đích khác để phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.</i>	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV1)	15	
9	Phân kỳ quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 28 Thông tư 29/2024/TT- BTNMT. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều 28 Thông tư 29/2024/TT- BTNMT được phân đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV1)	14	
10	Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến kinh tế, xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh			

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/ nhóm)	Định mức (công nhóm/Tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
a	<i>Đánh giá tác động đến nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất</i>	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV1)	16	
b	<i>Đánh giá tác động đến mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh</i>	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV1)	20	
c	<i>Đánh giá tác động đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực</i>	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
d	<i>Đánh giá tác động đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất; đất đai cho người dân tộc thiểu số</i>	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV1)	22	
đ	<i>Đánh giá tác động đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng; tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc</i>	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV1)	20	
e	<i>Đánh giá tác động đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, khả năng đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.</i>	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV1)	18	
11	Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất			
a	<i>Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu</i>	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
b	<i>Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất</i>	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
c	<i>Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất.</i>	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
12	Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV1)	48	
13	Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.			
a	<i>Bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (bản đồ số và bản đồ</i>	6 (1ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV1)	70	

STT	Nội dung công việc <i>in)</i>	Định biên (người/ nhóm)	Định mức (công nhóm/Tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
		7 (1ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV1, 1LX4)		10
b	<i>Bản đồ chuyên đề, gồm: bản đồ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên và các bản đồ chuyên đề cho các loại đất khác (nếu có) tùy vào điều kiện của từng tỉnh để đảm bảo thể hiện được nội dung quy hoạch trên bản đồ.</i>	6 (1ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV1)	12	
		7 (1ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV1, 1LX4)		2
14	Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án quy hoạch sử dụng đất.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	10	
Bước 10	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất			
1	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và các tài liệu có liên quan.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV1)	35	
2	Xây dựng báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng đất.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV1)	5	

2. Định mức vật tư và thiết bị

2.1. Thiết bị

Bảng số 12

STT	Thiết bị	ĐVT	Công suất (Kw/h)	Số lượng	Định mức (ca/tỉnh TB)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy scan A0	Cái	2,5	1	0,25	
2	Máy scan A4	Cái	0,4	1	0,25	
3	Máy in A3	Cái	0,5	2	0,24	
4	Máy in A4	Cái	0,35	2	1,77	
5	Máy in Plotter	Cái	0,4	1	10,00	
6	Máy vi tính	bộ	0,35	7	560,34	
7	Máy điều hoà nhiệt độ	bộ	2,2	2	1.162,13	
8	Máy chiếu Projector	Cái	0,5	1	9,00	
9	Máy tính xách tay	Cái	0,5	7		28,49
10	Máy phô tô	Cái	1,5	1	0,49	
11	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái		1		90,00

STT	Thiết bị	ĐVT	Công suất (Kw/h)	Số lượng	Định mức (ca/tỉnh TB)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
12	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái		1		90,00
13	Ô tô 7 chỗ ngồi	Cái		1		90,00
14	Điện năng	Kw			36.386,68	
15	Xăng	Lít				3.600,00
16	Dầu nhờn	Lít				30,00

Cơ cấu (%) thiết bị theo các bước

Bảng số 13

Nội dung	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 1	22%	44%
Bước 2	12%	
Bước 3	5%	
Bước 4	10%	26%
Bước 5	3%	9%
Bước 6	2%	
Bước 7	4%	
Bước 8	4%	
Bước 9	35%	21%
Bước 10	3%	
Cộng	100%	100%

2.2. Dụng cụ

Bảng số 14

STT	Dụng cụ	ĐVT	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/ tỉnh TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	3.922,40	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	3.922,40	
3	Bàn để máy tính	Cái	96	3.922,40	
4	Ghế máy tính	Cái	96	3.922,40	
5	Chuột máy tính	Cái	60	3.922,40	
6	Bàn đập ghim loại trung bình	Cái	96	196,12	
7	Bàn đập ghim loại nhỏ	Cái	96	196,12	
8	Máy tính casio	Cái	60	196,12	
9	Giá để tài liệu	Cái	96	2.324,25	
10	Hòm đựng tài liệu	Cái	96	2.324,25	

STT	Dụng cụ	ĐVT	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/ tỉnh TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
11	Cặp đựng tài liệu	Cái	96	7.536,20	600,00
12	Ổng đựng bản đồ	Cái	96	2.324,25	150,00
13	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	18		600,00
14	Giày bảo hộ	Đôi	12		600,00
15	Tất	Đôi	6		600,00
16	Mũ cứng	Cái	12		600,00
17	Quần áo mưa	Bộ	6		600,00
18	Ba lô	Cái	36		600,00
19	Kéo	Cái	96	196,12	
20	Thước eke loại trung bình	Cái	96	196,12	
21	Thước nhựa 40 cm	Cái	96	196,12	
22	Thước nhựa 120 cm	Cái	96	196,12	
23	Thước cuộn vải 50 m	Cái	96		30,00
24	Đồng hồ treo tường	Cái	36	2.324,25	
25	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	96	2.324,25	
26	Lưu điện cho máy tính	Cái	96	3.922,40	
27	Máy hút âm 2 KW	Cái	60	2.324,25	
28	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	464,85	
29	Quạt thông gió 0,04 KW	Cái	60	2.324,25	
30	Quạt trần 0,1 KW	Cái	96	2.324,25	
31	Bộ đèn neon 0,04 KW	Bộ	24	4.648,50	
32	Điện năng	Kw		32.799,82	

Ghi chú:

Cơ cấu sử dụng mức dụng cụ theo các bước công việc được xác định theo Bảng số 13.

2.3. Vật liệu

Bảng số 15

STT	Vật liệu	ĐVT	Số lượng (tính cho tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Đĩa CD	Cái	14,00	
2	USB (4G)	Cái	2,00	
3	Bút dạ màu	Bộ	7,00	7,00
4	Bút chì kim	Cái	7,00	7,00
5	Bút xoá	Cái	7,00	
6	Bút nhớ dòng	Cái	7,00	

STT	Vật liệu	ĐVT	Số lượng (tính cho tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
7	Tẩy chì	Cái	7,00	7,00
8	Bút bi	Cái	35,00	7,00
9	Mực in A3 Laser	Hộp	0,19	
10	Mực in A4 Laser	Hộp	1,42	
11	Mực in Ploter	4 Hộp	1,20	
12	Mực phôi tô	Hộp	0,32	
13	Sổ ghi chép	Cuốn	5,00	2,00
14	Giấy A3	Gram	0,89	
15	Giấy A4	Gram	6,69	1,00
16	Giấy in A0	Tờ	240,00	
17	Ghim dập	Hộp	2,00	
18	Ghim vòng	Hộp	2,00	
19	Túi nylông (clear)	Cái	210,00	
20	Cặp 3 dây	Cái	14,00	7,00
21	Hồ dán khô	Hộp	5,00	
22	Băng dính to	Cuốn	3,00	
23	Bản đồ nền	Tờ	12,00	

Ghi chú:

Cơ cấu sử dụng mức vật liệu theo các bước công việc được xác định theo Bảng số 13.

Mục 2:**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH****1. Định mức lao động****1.1 Nội dung công việc.****Bước 1. Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu**

1. Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, gồm: quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có sử dụng đất cấp quốc gia, liên tỉnh; quy hoạch tỉnh; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, chất lượng đất, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của tỉnh; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, địa phương; nguồn lực đầu tư công và các nguồn lực khác; tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.

2. Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập, gồm:

a) Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin;

b) Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

3. Điều tra, khảo sát thực địa, gồm:

a) Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa;

b) Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, của vùng trên địa bàn tỉnh; các công trình hạ tầng của tỉnh; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao và các yếu tố khác có liên quan); các thông tin tại các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có);

c) Chính lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

4. Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

Bước 2. Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất

của tỉnh

1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và môi trường, gồm:

a) Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thủy văn và các yếu tố khác có liên quan);

b) Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; biển; khoáng sản và các yếu tố khác có liên quan);

c) Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản và các yếu tố khác có liên quan);

d) Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (nước biển dâng; xâm nhập mặn; hoang mạc hóa, sa mạc hóa; xói mòn, sạt lở đất và các yếu tố khác có liên quan).

2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất và các nội dung khác có liên quan).

3. Nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất, gồm:

a) Bối cảnh của tỉnh, của vùng tác động đến việc sử dụng đất;

b) Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất;

c) Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.

4. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh.

Bước 3. Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

1. Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

2. Đánh giá mặt thực hiện được, tồn tại và nguyên nhân.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử

dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

Bước 4. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

1. Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

2. Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các yếu tố khác có liên quan).

4. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.

5. Phân tích, đánh giá mặt thực hiện được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.

6. Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

7. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

8. Trường hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thì đánh giá hiện trạng, biến động sử dụng đất và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến thời điểm tổ chức điều chỉnh.

Bước 5. Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất

1. Tổng hợp, phân tích đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất từ kết quả điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh phục vụ xây dựng định hướng, quy hoạch sử dụng đất gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Xây dựng báo cáo chuyên đề tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất của trên địa bàn tỉnh.

Bước 6. Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch

1. Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế -

xã hội của cấp tỉnh trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

2. Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 7. Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch

1. Dự báo các yếu tố chủ yếu về kinh tế, xã hội, môi trường ảnh hưởng đến xu thế biến động đất đai (dự báo kinh tế, xã hội, môi trường; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng và các yếu tố khác có liên quan).

2. Dự báo xu thế biến động đất đai của tỉnh, gồm: nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 8. Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm

1. Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch đối với nhóm đất nông nghiệp, phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng và các loại đất do cấp tỉnh xác định gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp huyện.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 9. Xây dựng phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất

1. Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, gồm:

- a) Các chỉ tiêu về kinh tế;
- b) Các chỉ tiêu về xã hội;
- c) Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh;
- d) Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;

đ) Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.

2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.

3. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và phân theo đơn vị hành chính cấp huyện, gồm:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ cho cấp tỉnh;

b) Các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của tỉnh.

c) Đối với các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại mà điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh không xác định thì được quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện xác định.

4. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp huyện.

5. Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

6. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

7. Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp huyện.

8. Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

9. Phân kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 28 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều 28 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT được phân đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

10. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến kinh tế, xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh, gồm:

a) Đánh giá tác động đến nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất;

b) Đánh giá tác động đến mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

c) Đánh giá tác động đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực;

d) Đánh giá tác động đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất; đất đai cho người dân tộc thiểu số;

d) Đánh giá tác động đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng; tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc;

e) Đánh giá tác động đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, khả năng đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.

11. Giải pháp, nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, gồm:

a) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu;

b) Giải pháp về nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất;

c) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực điều chỉnh hiện quy hoạch sử dụng đất.

12. Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.

13. Lập bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, gồm:

a) Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (bản đồ số và bản đồ in);

b) Bản đồ chuyên đề, gồm: bản đồ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên và các bản đồ chuyên đề cho các loại đất khác (nếu có) tùy vào điều kiện của từng tỉnh để đảm bảo thể hiện được nội dung điều chỉnh quy hoạch trên bản đồ.

14. Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

Bước 10. Xây dựng báo cáo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất

1. Xây dựng báo cáo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và các tài liệu có liên quan.

2. Xây dựng báo cáo tóm tắt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

1.2 Định mức: Áp dụng định mức tối đa bằng 60% định mức của nhiệm vụ Lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

2. Định mức vật tư và thiết bị: Áp dụng định mức tối đa bằng 60% định mức của nhiệm vụ Lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

Chương II:
LẬP, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH
SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN

Mục 1:

LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
NĂM ĐẦU CỦA QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN

1. Định mức lao động

1.1 Nội dung công việc

Bước 1. Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu

1. Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến việc lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, gồm: quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; quy hoạch đô thị của thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp không lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của cấp huyện; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ trước của cấp huyện; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã; định mức sử dụng đất, tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.

2. Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập, gồm:

a) Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin;

b) Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu cấp huyện.

3. Điều tra, khảo sát thực địa, gồm:

a) Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa;

b) Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu cấp huyện (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, vùng, tỉnh trên địa bàn cấp huyện; các công trình hạ tầng của cấp huyện; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao, khu vực có lợi thế cho phát triển các ngành, lĩnh vực của huyện và các yếu tố khác có liên quan); các thông tin tại các đơn vị hành

chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có);

c) Chính lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

4. Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

Bước 2. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp huyện

1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường, gồm:

a) Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thủy văn và các yếu tố khác có liên quan);

b) Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; biển; khoáng sản và các yếu tố khác có liên quan);

c) Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản và các yếu tố khác có liên quan);

d) Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (nước biển dâng; xâm nhập mặn; hoang mạc hóa, sa mạc hóa; xói mòn, sạt lở đất và các yếu tố khác có liên quan).

2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất và các yếu tố khác có liên quan).

3. Xây dựng các báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp huyện.

Bước 3. Phân tích, đánh giá các nguồn lực của huyện và tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp huyện

1. Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất.

2. Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các nguồn lực của

huyện và tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp huyện.

Bước 4. Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

1. Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất.

2. Đánh giá mặt thực hiện được, tồn tại và nguyên nhân.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất.

Bước 5. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

1. Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

2. Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các nội dung khác có liên quan).

4. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.

5. Phân tích, đánh giá mặt thực hiện được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.

6. Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

7. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện kỳ trước.

8. Trường hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thì đánh giá hiện trạng, biến động sử dụng đất và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến thời điểm tổ chức điều chỉnh.

Bước 6. Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch

1. Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp huyện trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.

2. Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp huyện trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 7. Dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch

1. Dự báo các yếu tố tác động đến xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất (dự báo về điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên, kinh tế, xã hội, kết quả điều tra đánh giá về chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất, tiềm năng đất đai; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng và các yếu tố khác có liên quan).

2. Dự báo xu thế chuyển dịch đất đai của huyện, gồm: các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 8. Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch

1. Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Định hướng sử dụng đất, tầm nhìn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm phù hợp, đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 9. Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất

1. Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất, gồm:

- a) Các chỉ tiêu về kinh tế;
- b) Các chỉ tiêu về xã hội;
- c) Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh;
- d) Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;

đ) Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.

2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, trong đó xác định diện tích các loại đất để bảo đảm chính sách hỗ trợ đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.

3. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và phân theo đơn vị hành chính cấp xã, gồm:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho cấp huyện;

b) Các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại trong kỳ quy hoạch sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của huyện.

4. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã.

5. Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

6. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

7. Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp.

8. Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

9. Phân kỳ quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 42 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều 42 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT được phân đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

10. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất, gồm:

a) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu;

b) Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất;

c) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

11. Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.

12. Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

13. Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Bước 10. Lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, gồm:

a) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch;

b) Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai;

c) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 bước 10 của Quy định này và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp huyện dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch;

d) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo các điểm a, b và c khoản 1 bước 10 của Quy định này theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

2. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

3. Xác định diện tích đất cần thu hồi đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.

4. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.

5. Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch, gồm: các công trình, dự án quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 43 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT. Việc xác định danh mục các công trình, dự án phải xác định cụ thể các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có); diện tích đất để đấu giá quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong năm, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi.

6. Dự kiến các nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất trong năm kế hoạch.

7. Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm đầu quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, gồm:

a) Bản đồ kế hoạch sử dụng đất thể hiện trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đối với các khu vực có công trình, dự án nằm trong danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Bản đồ hoặc bản vẽ thể hiện vị trí, ranh giới, diện tích, loại đất đối với các công trình, dự án quy định tại điểm a khoản 7 Bước 10 của Quy định này đến từng thửa đất trên nền bản đồ địa chính. Trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.

8. Xây dựng báo cáo chuyên đề kế hoạch sử dụng đất năm đầu quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Bước 11. Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

1. Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; các tài liệu có liên quan.

2. Xây dựng báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

1.2 Định mức

Bảng số 21

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/ nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu			
1	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến việc lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, gồm: quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; quy hoạch đô thị của thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp không lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của cấp huyện; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ trước của cấp huyện; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã; định mức sử dụng đất, tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	28	
2	Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập		10	
a	Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn	5	3	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/ nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	<i>thông tin</i>	(4ĐCV3, 1ĐCV1)		
<i>b</i>	<i>Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu cấp huyện.</i>	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	7	
3	Điều tra, khảo sát thực địa			
<i>a</i>	<i>Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch khảo sát thực địa</i>	5 (3ĐCV3, 1ĐCV1, 1LX4)		2
<i>b</i>	<i>Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu cấp huyện (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, vùng, tỉnh trên địa bàn cấp huyện; các công trình hạ tầng của cấp huyện; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao, khu vực có lợi thế cho phát triển các ngành, lĩnh vực của huyện...); các thông tin tại các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có)</i>	5 (3ĐCV3, 1ĐCV1, 1LX4)		9
<i>c</i>	<i>Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.</i>	5 (3ĐCV3, 1ĐCV1, 1LX4)		2
4	Tổng hợp lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
Bước 2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp huyện			
1	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường			
<i>a</i>	<i>Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thủy văn; ...)</i>	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
<i>b</i>	<i>Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; khoáng sản; nhân văn ;...)</i>	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	2	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/ nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
c	<i>Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản,...);</i>	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
d	<i>Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (hoang mạc hóa, sa mạc hóa; xói mòn, sạt lở đất;...).</i>	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
2	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất; ...).	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	12	
3	Xây dựng các báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	15	
Bước 3	Phân tích, đánh giá các nguồn lực của huyện và tính tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp huyện			
1	Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	12	
2	Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	6	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các nguồn lực của huyện và tính tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp huyện.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
Bước 4	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp huyện			
1	Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
2	Đánh giá mặt thực hiện được, tồn tại và nguyên nhân.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	6	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/ nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 5	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước			
1	Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
2	Biên động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
3	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; ...).	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	13	
4	Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
5	Phân tích, đánh giá mặt thực hiện được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
6	Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	7	
7	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện kỳ trước.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
Bước 6	Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch			
1	Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp huyện trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
2	Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp huyện trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
Bước 7	Dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch			
1	Dự báo các yếu tố tác động đến xu thế	6	1	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/ nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất (dự báo về điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên, kinh tế, xã hội, kết quả điều tra đánh giá về chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất, tiềm năng đất đai; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng và các yếu tố khác có liên quan...).	(5ĐCV3, 1ĐCV1)		
2	Dự báo xu thế chuyển dịch đất đai của huyện, gồm: các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
Bước 8	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch			
1	Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
2	Định hướng sử dụng đất, tầm nhìn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm phù hợp, đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
Bước 9	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất			
1	Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất			
a	<i>Các chỉ tiêu về kinh tế</i>	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
b	<i>Các chỉ tiêu về xã hội</i>	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
c	<i>Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh</i>	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/ nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
		1ĐCV1)		
d	<i>Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.</i>	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
đ	<i>Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.</i>	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
2	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, trong đó xác định diện tích các loại đất để bảo đảm chính sách hỗ trợ đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	7	
3	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và phân theo đơn vị hành chính cấp xã			
a	<i>Chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho cấp huyện</i>	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
b	<i>Các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại trong kỳ quy hoạch sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của huyện.</i>	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
4	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	7	
5	Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	7	
6	Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	7	
7	Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	7	
8	Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.			
a	<i>Việc xác định các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt đối với đất trồng lúa theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 5</i>	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	10	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/ nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	<i>Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa và khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác để phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.</i>			
<i>b</i>	<i>Việc xác định các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt đối với đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên thực hiện theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ) và khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên sang mục đích khác để phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.</i>	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
9	Phân kỳ quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 42 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều 42 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT được phân đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	9	
10	Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất.			
<i>a</i>	<i>Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.</i>	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
<i>b</i>	<i>Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất.</i>	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
<i>c</i>	<i>Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất.</i>	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
11	Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	45	
12	Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	65	
		6 (4ĐCV3, 1ĐCV1,		10

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/ nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
		1LX4)		
13	Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
Bước 10	Lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện			
1	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP:			
a	<i>Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch</i>	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
b	<i>Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai</i>	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
c	<i>Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 bước 10 của Quy định này và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp huyện dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch</i>	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
d	<i>Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo các điểm a, b và c khoản 1 bước 10 của Quy định này theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.</i>	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
2	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
3	Xác định diện tích đất cần thu hồi đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	9	3
4	Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	9	
5	Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch, gồm: các công trình, dự án quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 43 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT. Việc xác định danh mục các công	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	15	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/ nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	trình, dự án phải xác định cụ thể các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có); diện tích đất để đầu tư quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong năm, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi.			
6	Dự kiến các nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
7	Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm đầu quy hoạch sử dụng đất cấp huyện			
a	<i>Bản đồ kế hoạch sử dụng đất thể hiện trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đối với các khu vực có công trình, dự án nằm trong danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.</i>	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	38	6
b	<i>Bản đồ hoặc bản vẽ thể hiện vị trí, ranh giới, diện tích, loại đất đối với các công trình, dự án quy định tại điểm a khoản 7 Bước 10 của Quy định này đến từng thửa đất trên nền bản đồ địa chính. Trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.</i>			
8	Xây dựng báo cáo chuyên đề kế hoạch sử dụng đất năm đầu quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	24	
Bước 11	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện			
1	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; các tài liệu có liên quan.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	80	
2	Xây dựng báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	10	

2. Định mức vật tư và thiết bị

2.1. Thiết bị

Bảng số 22

STT	Thiết bị	ĐVT	Công suất (Kw/h)	Số lượng	Định mức (ca/ huyện TB)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy scan A0	Cái	2,5	1	0,25	
2	Máy scan A4	Cái	0,4	1	0,25	
3	Máy in A3	Cái	0,5	2	0,18	
4	Máy in A4	Cái	0,35	2	1,07	
5	Máy in Plotter	Cái	0,4	1	73,00	
6	Máy vi tính	Bộ	0,35	7	319,49	
7	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	2,2	2	673,38	
8	Máy chiếu Projector	Cái	0,5	1	9,00	
9	Máy tính xách tay	Cái	0,5	7		12,17
10	Máy phô tô	Cái	1,5	1	0,34	
11	Máy ảnh KT số	Cái		1		79,00
12	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái		1		79,00
13	Ô tô 7 chỗ ngồi	Cái		1		79,00
14	Điện năng	Kw			21.176,09	
15	Xăng	Lít				3.160,00
16	Dầu nhờn	Lít				26,33

Cơ cấu (%) thiết bị theo các bước

Bảng số 23

Nội dung	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 1	8	41
Bước 2	5	
Bước 3	3	
Bước 4	3	
Bước 5	7	13
Bước 6	3	
Bước 7	5	9
Bước 8	5	
Bước 9	36	18
Bước 10	14	19
Bước 11	11	
Cộng	100	100

2.2. Dụng cụ

Bảng số 24

STT	Dụng cụ	ĐVT	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/huyện trung bình)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	2.236,40	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	2.236,40	
3	Bàn để máy tính	Cái	96	2.236,40	
4	Ghế máy tính	Cái	96	2.236,40	
5	Chuột máy tính	Cái	60	2.236,40	
6	Bàn dập ghim loại trung bình	Cái	96	111,82	
7	Bàn dập ghim loại nhỏ	Cái	96	111,82	
8	Máy tính casio	Cái	60	111,82	
9	Giá để tài liệu	Cái	96	1.346,75	
10	Hòm đựng tài liệu	Cái	96	1.346,75	
11	Cặp đựng tài liệu	Cái	96	4.081,70	488,00
12	Ổng đựng bản đồ	Cái	96	1.346,75	122,00
13	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	18		488,00
14	Giày bảo hộ	Đôi	12		488,00
15	Tất	Đôi	6		488,00
16	Mũ cứng	Cái	12		488,00
17	Quần áo mưa	Bộ	6		488,00
18	Ba lô	Cái	36		488,00
19	Kéo	Cái	96	111,82	
20	Thước eke loại trung bình	Cái	96	111,82	
21	Thước nhựa 40 cm	Cái	96	111,82	
22	Thước nhựa 120 cm	Cái	96	111,82	
23	Thước cuộn vải 50 m	Cái	96		24,40
24	Đồng hồ treo tường	Cái	36	1.346,75	
25	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	96	1.346,75	
26	Lưu điện cho máy tính	Cái	96	2.236,40	
27	Máy hút ẩm 2 KW	Cái	60	1.346,75	
28	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	269,35	
29	Quạt thông gió 0,04 KW	Cái	60	1.346,75	
30	Quạt trần 0,1 KW	Cái	96	1.346,75	
31	Bộ đèn neon 0,04 KW	Bộ	24	2.693,50	
32	Điện năng	Kw		19.005,34	

Ghi chú:

Cơ cấu sử dụng mức dụng cụ theo các bước công việc được xác định theo Bảng số 23

2.3. Vật liệu

Bảng số 25

STT	Vật liệu	ĐVT	Số lượng (tính cho huyện trung bình)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Đĩa CD	Cái	12,00	
2	USB (4G)	Cái	2,00	
3	Bút dạ màu	Bộ	7,00	7,00
4	Bút chì kim	Cái	7,00	7,00
5	Bút xoá	Cái	7,00	
6	Bút nhớ dòng	Cái	7,00	
7	Tẩy chì	Cái	7,00	7,00
8	Bút bi	Cái	28,00	7,00
9	Mực in A3 Laser	Hộp	0,14	
10	Mực in A4 Laser	Hộp	0,86	
11	Mực in Ploter	4 Hộp	8,76	
12	Mực phôi tô	Hộp	0,22	
13	Sổ ghi chép	Cuốn	5,00	2,00
14	Giấy A3	Gram	0,69	
15	Giấy A4	Gram	4,14	1,00
16	Giấy in A0	Tờ	1.752,00	
17	Ghim dập	Hộp	2,00	
18	Ghim vòng	Hộp	2,00	
19	Túi nylông (clear)	Cái	210,00	
20	Cặp 3 dây	Cái	28,00	7,00
21	Hồ dán khô	Hộp	5,00	
22	Băng dính to	Cuộn	2,00	
23	Bản đồ nền	Tờ	12,00	

Ghi chú:

Cơ cấu sử dụng mức vật liệu theo các bước công việc được xác định theo Bảng số 23

Mục 2:**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ KẾ HOẠCH
SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU CỦA ĐIỀU CHỈNH
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN****1. Định mức lao động****1.1 Nội dung công việc****Bước 1. Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu**

1. Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, gồm: quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; quy hoạch đô thị của thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp không lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của cấp huyện; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ trước của cấp huyện; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã; định mức sử dụng đất, tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.

2. Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập, gồm:

a) Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin;

b) Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu cấp huyện.

3. Điều tra, khảo sát thực địa, gồm:

a) Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa;

b) Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu cấp huyện (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, vùng, tỉnh trên địa bàn cấp huyện; các công trình hạ tầng của cấp huyện; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao, khu vực có lợi thế cho phát triển các ngành, lĩnh vực của huyện và các yếu tố khác có liên quan); các thông tin tại các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có);

c) Chính lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

4. Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

Bước 2. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp huyện

1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường, gồm:

a) Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thủy văn và các yếu tố khác có liên quan);

b) Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; biển; khoáng sản và các yếu tố khác có liên quan);

c) Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản và các yếu tố khác có liên quan);

d) Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (nước biển dâng; xâm nhập mặn; hoang mạc hóa, sa mạc hóa; xói mòn, sạt lở đất và các yếu tố khác có liên quan).

2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất và các yếu tố khác có liên quan).

3. Xây dựng các báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp huyện.

Bước 3. Phân tích, đánh giá các nguồn lực của huyện và tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp huyện

1. Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất.

2. Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các nguồn lực của huyện và tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp huyện.

Bước 4. Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

1. Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

2. Đánh giá mặt thực hiện được, tồn tại và nguyên nhân.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

Bước 5. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

1. Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

2. Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các nội dung khác có liên quan).

4. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.

5. Phân tích, đánh giá mặt thực hiện được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.

6. Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

7. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến thời điểm tổ chức điều chỉnh.

Bước 6. Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch

1. Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp huyện trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

2. Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp huyện trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 7. Dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch

1. Dự báo các yếu tố tác động đến xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất (dự báo về điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên, kinh tế, xã hội, kết quả điều tra đánh giá về chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất, tiềm năng đất đai; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng và

các yếu tố khác có liên quan).

2. Dự báo xu thế chuyển dịch đất đai của huyện, gồm: các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 8. Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch

1. Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Định hướng sử dụng đất, tầm nhìn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm phù hợp, đồng bộ giữa điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 9. Xây dựng phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất

1. Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, gồm:

- a) Các chỉ tiêu về kinh tế;
- b) Các chỉ tiêu về xã hội;
- c) Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh;
- d) Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;
- đ) Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.

2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, trong đó xác định diện tích các loại đất để bảo đảm chính sách hỗ trợ đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.

3. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và phân theo đơn vị hành chính cấp xã, gồm:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất do điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho cấp huyện;

b) Các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của huyện.

4. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã.

5. Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

6. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

7. Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp.

8. Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

9. Phân kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 42 Thông tư 29/2024/TT-BTNMT. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều 42 Thông tư 29/2024/TT-BTNMT được phân đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

10. Giải pháp, nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, gồm:

a) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu;

b) Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất;

c) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

11. Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.

12. Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

13. Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Bước 10. Lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, gồm:

a) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch;

b) Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai;

c) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 bước 10 và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp huyện dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch

d) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo các điểm a, b và c khoản 1 bước 10 theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

2. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

3. Xác định diện tích đất cần thu hồi đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.

4. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.

5. Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch, gồm: các công trình, dự án quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 43 Thông tư 29/2024/TT-BTNMT. Việc xác định danh mục các công trình, dự án phải xác định cụ thể các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có); diện tích đất để đấu giá quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong năm, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi.

6. Dự kiến các nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất trong năm kế hoạch.

7. Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, gồm:

a) Bản đồ kế hoạch sử dụng đất thể hiện trên nền bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đối với các khu vực có công trình, dự án nằm trong danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Bản đồ hoặc bản vẽ thể hiện vị trí, ranh giới, diện tích, loại đất đối với các công trình, dự án quy định tại điểm a khoản 7 Bước 10 đến từng thửa đất trên nền bản đồ địa chính. Trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.

8. Xây dựng báo cáo chuyên đề kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Bước 11. Xây dựng báo cáo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

1. Xây dựng báo cáo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; các tài liệu có liên quan.

2. Xây dựng báo cáo tóm tắt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

1.2 Định mức: Áp dụng định mức tối đa bằng 60% định mức của nhiệm vụ Lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

2. Định mức vật tư và thiết bị: Áp dụng định mức tối đa bằng 60% định mức của nhiệm vụ Lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

Mục 3:**LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HÀNG NĂM CẤP HUYỆN****1. Định mức lao động****1.1 Nội dung công việc****Bước 1. Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu**

1. Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu có liên quan đến lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, gồm: Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; quy hoạch xây dựng; quy hoạch đô thị đối với trường hợp không phải lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; hiện trạng sử dụng đất; kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực của các cấp, của các tổ chức, của cá nhân; các công trình, dự án đã có chủ trương đầu tư; khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

2. Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập, gồm:

a) Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin;

b) Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

3. Điều tra, khảo sát thực địa, gồm:

a) Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa;

b) Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, vùng, tỉnh trên địa bàn cấp huyện; các công trình hạ tầng của cấp huyện; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao, khu vực có lợi thế cho phát triển các ngành, lĩnh vực của huyện và các nội dung khác có liên quan);

c) Chính lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

4. Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

Bước 2. Phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và nguồn lực tác động đến sử dụng đất của cấp huyện.

1. Phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc sử dụng đất tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

3. Phân tích, đánh giá bổ sung các nguồn lực của huyện và tính tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

4. Xây dựng các báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và nguồn lực tác động đến sử dụng đất của cấp huyện.

a) Tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu.

b) Lập báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

Bước 3. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

1. Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

2. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; kết quả thực hiện các công trình, dự án và các nội dung khác có liên quan).

3. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.

4. Phân tích, đánh giá mặt thực hiện được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.

5. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

Bước 4. Xây dựng kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện

1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, gồm:

a) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch;

b) Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai;

c) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 48 Thông tư 29/2024/TT-BTNMT và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp huyện dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch;

d) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo các điểm a, b và c khoản 1 Điều 48 Thông tư 29/2024/TT-BTNMT theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đối với trường hợp không phải lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

2. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

3. Xác định diện tích đất cần thu hồi đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.

4. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.

5. Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch, gồm: các công trình, dự án quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 48, Thông tư 29/2024/TT-BTNMT. Việc xác định danh mục các công trình, dự án phải xác định cụ thể các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có); diện tích đất để đầu tư quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong năm, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi.

6. Dự kiến các nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất trong năm kế hoạch.

7. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất, gồm:

a) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu;

b) Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

c) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

8. Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.

9. Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, gồm:

a) Bản đồ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đối với các khu vực có công trình, dự án nằm trong danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất thể hiện trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc bản đồ quy

hoạch chung hoặc bản đồ quy hoạch phân khu được phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị;

b) Bản đồ hoặc bản vẽ thể hiện vị trí, ranh giới, diện tích, loại đất đối với các công trình, dự án quy định tại điểm a khoản 10 Điều 48 Thông tư 29/2024/TT-BTNMT

đến từng thửa đất trên nền bản đồ địa chính. Trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.

10. Xây dựng báo cáo chuyên đề kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

Bước 5. Xây dựng báo cáo kế hoạch sử dụng đất

1. Xây dựng báo cáo kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện; các tài liệu có liên quan

2. Xây dựng báo cáo tóm tắt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

1.2 Định mức

Bảng số 31

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghị nghiệp	Ngoại nghị nghiệp
Bước 1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu			
1	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu có liên quan đến lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, gồm: Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; quy hoạch xây dựng; quy hoạch đô thị đối với trường hợp không phải lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; hiện trạng sử dụng đất; kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực của các cấp, của các tổ chức, của cá nhân; các công trình, dự án đã có chủ trương đầu tư; khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch sử dụng đất.	4 (3ĐCV3, 1ĐCV1)	29	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
2	Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập			
a	<i>Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin</i>	4 (3ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
b	<i>Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.</i>	4 (3ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
3	Điều tra, khảo sát thực địa			
a	<i>Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa</i>	5 (3ĐCV3, 2ĐCV1)		1
b	<i>Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, vùng, tỉnh trên địa bàn cấp huyện; các công trình hạ tầng của cấp huyện; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao, khu vực có lợi thế cho phát triển các ngành, lĩnh vực của huyện...)</i>	5 (3ĐCV3, 2ĐCV1)		10
c	<i>Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.</i>	5 (3ĐCV3, 2ĐCV1)		2
4	Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.		19	
a	Tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	13	
b	Lập báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	6	
Bước 2	Phân tích, đánh giá bổ sung về			

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
	điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và nguồn lực tác động đến sử dụng đất của cấp huyện			
1	Phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
2	Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc sử dụng đất tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	6	
3	Phân tích, đánh giá bổ sung các nguồn lực của huyện và tính tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	6	
4	Xây dựng các báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và nguồn lực tác động đến sử dụng đất của cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
Bước 3	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước			
1	Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
2	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; kết quả thực hiện các công trình, dự án; ...).	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	4	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
3	Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	7	
4	Phân tích, đánh giá mặt thực hiện được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
5	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
Bước 4	Xây dựng kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện			
1	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP			
a	<i>Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch</i>	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
b	<i>Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai</i>	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
c	<i>Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 48 Thông tư 29/2024/TT-BTNMT và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp</i>	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
	<i>huyện dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch.</i>			
<i>d</i>	<i>Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo các điểm a, b và c khoản 1 Điều 48 Thông tư 29/2024/TT-BTNMT theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đối với trường hợp không phải lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.</i>	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
2	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
3	Xác định diện tích đất cần thu hồi đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	12	4
4	Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	12	
5	Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch, gồm: các công trình, dự án quy định tại điểm a, b và c khoản 1, Điều 48, Thông tư 29/2024/TT-BTNMT. Việc xác định danh mục các công trình, dự án phải xác định cụ thể các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có); diện tích đất để đấu giá quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong năm, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	20	
6	Dự kiến các nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
7	Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.			
a	<i>Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.</i>	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
b	<i>Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.</i>	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
c	<i>Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.</i>	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
8	Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
9	Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.			
a	<i>Bản đồ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đối với các khu vực có công trình, dự án nằm trong danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất thể hiện trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc bản đồ quy hoạch chung hoặc bản đồ quy hoạch phân khu được phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị.</i>	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	30	6
b	<i>Bản đồ hoặc bản vẽ thể hiện vị trí, ranh giới, diện tích, loại đất đối với các công trình, dự án quy định tại điểm a khoản 10 Điều 48 Thông tư 29/2024/TT-BTNMT đến từng thửa đất trên nền bản đồ địa chính. Trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.</i>			
10	Xây dựng báo cáo chuyên đề kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	20	
Bước 5	Xây dựng báo cáo kế hoạch sử dụng đất			

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm/huyện TB)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
1	Xây dựng báo cáo kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện; các tài liệu có liên quan.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	13	
2	Xây dựng báo cáo tóm tắt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	

2. Định mức vật tư và thiết bị

2.1. Thiết bị

Bảng số 32

STT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức (ca/huyện TB)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy in A3	Cái	60	0,5	1,0	
2	Máy in A4	Cái	60	0,35	2,0	
3	Máy in màu A3	Cái	60	0,35	1,0	
4	Máy in Ploter	Cái	60	0,4	13,8	
5	Máy vi tính	Bộ	60	0,35	1.238	
6	Bộ máy tính cấu hình cao	Bộ	60	0,35	240	
7	Máy điều hòa nhiệt độ	Bộ	96	2,2	128	
8	Máy chiếu Projector	Cái	60	0,5	1,88	
9	Máy tính xách tay	Cái	60	0,5		154
10	Máy phôtô	Cái	96	1,5	1,74	
11	Điện năng	Kw			6.800	

Cơ cấu (%) thiết bị theo các bước

Bảng số 33

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 1	10	45
Bước 2	10	
Bước 3	16	30
Bước 4	50	25
Bước 5	14	
Cộng	100	100

2.2. Dụng cụ

Bảng số 34

STT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/huyện TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	921	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	921	
3	Bàn để máy tính	Cái	96	1.382	
4	Ghế máy tính	Cái	96	1.382	
5	Chuột máy tính	Cái	12	1.382	
6	Bút trình chiếu	Cái	12	1,88	
7	Màn chiếu điện	Cái	12	1,88	
8	Máy tính casio	Cái	60	230	
9	Giá để tài liệu	Cái	60	384	
10	Hòm đựng tài liệu	Cái	60	384	
11	Cặp đựng tài liệu	Cái	60	1.382	
12	Quần áo bảo hộ lao động	Cái	36		308
13	Quần áo mưa	Bộ	12		154
14	Ba lô	Bộ	12		308
15	Đồng hồ treo tường	Cái	24	384	
16	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	36	384	
17	Lưu điện cho máy tính	Cái	36	1.382	
18	Máy hút âm 2 KW	Cái	60	128	
19	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	77	
20	Quạt thông gió 0,04 KW	Cái	60	384	
21	Quạt trần 0,1 KW	Cái	60	192	
22	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	60		154
23	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái	60		154
24	Sạc pin	Cái	60		77
25	Pin máy ảnh kỹ thuật số và	Cái	60		616

STT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/huyện TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	máy định vị				
26	Máy tính bảng	Cái	60		154
27	Bộ đèn neon 0,04 KW	Bộ	36	384	
28	Điện năng	Kw		3.540	
29	Dụng cụ có giá trị thấp	%		5	5

Ghi chú:

Cơ cấu sử dụng mức dụng cụ theo các bước công việc được xác định theo Bảng số 33

2.3. Vật liệu

Bảng số 35

STT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Định mức (tính cho huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Đĩa CD	Cái	31	
2	USB (32G)	Cái	81	
3	Bút dạ màu	Bộ		18
4	Bút nhớ dòng	Cái	45	
5	Bút bi nước My gel	Cái		94
6	Mực in A3 Laser	Hộp	2	
7	Mực in A4 Laser	Hộp	8	
8	Mực in màu A4	Hộp	1	
9	Mực in màu A3	Hộp	2	
10	Mực in Ploter (6 hộp)	Bộ	2	
11	Đầu phun màu A0	Chiếc	1	
12	Đầu phun màu A3	Chiếc	1	
13	Ô cứng gắn ngoài (2TB)	Cái	5	
14	Mực phô tô	Hộp	13	

STT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Định mức (tính cho huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
15	Sổ ghi chép	Cuốn		94
16	Giấy A3	Gram	8	
17	Giấy A4	Gram	70	
18	Giấy in A0	Cuộn	11	
19	Vật liệu có giá trị thấp	%	8	8

Ghi chú:

Cơ cấu sử dụng mức vật liệu theo các bước công việc được xác định theo Bảng số 33.